

Hiện trạng và triển vọng quan hệ đầu tư Việt Nam - Liên hiệp châu Âu thập niên đầu thế kỷ XXI

HOÀNG THỊ NHƯ Ý*

Liên hiệp Châu Âu (European Union-EU) là một trong những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của thế giới, trong nửa thế kỷ tồn tại của mình EU đã có tác động lớn đến kinh tế, văn hóa, xã hội của thế giới, mở đầu cho một quá trình liên kết khu vực chặt chẽ và toàn diện, tăng cường xu thế khu vực hóa, toàn cầu hóa.

Việt Nam hòa nhập vào cộng đồng thế giới, xây dựng, củng cố và phát triển quan hệ hợp tác nhiều mặt với EU là phương hướng ưu tiên lâu dài và cấp thiết trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hoá đa phương hoá các mối quan hệ quốc tế với phương châm: Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình độc lập dân tộc và phát triển.

Việt Nam-EU đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao (1990) và ký Hiệp định khung hợp tác (1995), với những mục tiêu đảm bảo các điều kiện cần thiết thúc đẩy phát triển quan hệ toàn diện của hai bên. EU trở thành đối tác quan trọng của Việt Nam trên mọi lĩnh vực về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ... Từ đó đến nay, quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - EU đã không ngừng phát triển, một trong những lĩnh vực hợp tác lớn có hiệu quả là quan hệ đầu tư.

Lợi ích căn bản trong quan hệ đầu tư của hai bên

Về phía EU:

Trong xu hướng toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ về quy mô lẫn tốc độ dẫn tới cạnh tranh gay gắt trên thị trường thế giới, vai trò của đầu tư trực tiếp (FDI) ngày càng trở nên quan trọng với sự phát triển kinh tế của các quốc

* ThS. Hoàng Thị Như Ý, Trường Đại học Đà Lạt.

gia. FDI là dấu hiệu phê chuẩn của thị trường toàn cầu về chính sách và triển vọng phát triển kinh tế của một nước, là động lực để có thể tạo ra những thay đổi sâu rộng trong phát triển quan hệ quốc tế ở nhiều lĩnh vực khác nhau như chính trị, kinh tế, ngoại giao. FDI trở thành công cụ sắc bén cho phát triển và hội nhập toàn cầu, mở rộng thị trường, cắt giảm chi phí tăng thêm sức mạnh cạnh tranh của mình.

EU cũng như các cường quốc kinh tế thế giới, thông qua nguồn vốn FDI nhằm thu lợi ích cho các nhà đầu tư và còn nhằm tăng cường mối quan hệ giữa EU với các nước nhận đầu tư, trở thành động lực tăng cường hiệu quả trong phát triển quan hệ. Do vậy trong lượng vốn đầu tư ra bên ngoài của thế giới, EU luôn chiếm 60-70%. Cụ thể là đầu tư nước ngoài của các nước EU trong năm 1998 đạt 410,115 tỷ USD, tăng hơn 80% giá trị so với trước, sang năm 2000 đã tăng ngưỡng 1,000 tỷ USD hơn 13% so với năm 1999⁽²⁾.

Thị trường châu Á, trong đó có Việt Nam, trở thành điểm đến lý tưởng cho các dòng FDI trên thế giới. EU luôn xem Việt Nam là chiếc cầu nối để EU thâm nhập vào thị trường rộng lớn và đầy tiềm năng này, từ đó mở rộng ảnh hưởng về kinh tế cũng như vị thế quốc tế của mình. Do đó, nhiều nhà đầu tư của EU đã đi tiên phong trong lĩnh vực đầu tư vào Việt Nam từ khi luật đầu tư nước ngoài vào Việt Nam được ban hành (1987). Đến nay, EU đầu tư vào Việt Nam với tổng số 534 dự án và số vốn khoảng 6,62 tỷ USD, tổng vốn đầu tư

thực hiện là 3,1 tỷ USD, doanh thu 5,3 tỷ USD⁽³⁾. Quan hệ hợp tác đầu tư Việt Nam- EU vừa đáp ứng lợi ích cả hai bên, vừa phù hợp với xu hướng vận động FDI trên thế giới.

Trong quan hệ hợp tác đầu tư với Việt Nam, EU có thể tận dụng được lợi thế về mặt địa lý của Việt Nam nằm trên tuyến đường giao thông hàng hải quốc tế từ Nga và các nước SNG, Trung Quốc, Nhật Bản sang các nước Nam Á, Trung Đông và Châu Phi, và trên trục đường bộ, đường sắt từ Châu Âu sang Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Pakistan..., đặc biệt là trong lĩnh vực vận tải quốc tế.

Mặt khác, đầu tư vào Việt Nam, EU có thêm nhiều cơ hội mở rộng thị trường sang các nước ASEAN, tránh được các hành rào bảo hộ mậu dịch không chỉ ở Việt Nam mà các nước ASEAN khác. Vị trí của Việt Nam trong chiến lược hướng tới châu Á của EU ngày càng trở nên quan trọng hơn khi Việt Nam bốn năm liền làm tốt vai trò điều phối viên quan hệ EU - ASEAN và đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy tiến trình hợp tác Á - Âu.

Ngoài ra, cũng như nhiều nước khác, EU khi đầu tư vào Việt Nam có thể tìm thấy ở đây một nguồn cung cấp nguyên liệu dồi dào, phong phú và ổn định. Ví dụ, trữ lượng dầu mỏ chưa được khai thác ở Việt Nam là 440 triệu thùng, khí đốt là 2,2 tỷ m³, khí lỏng tự nhiên khoảng 14 triệu thùng. Do đó, các nhà đầu tư EU, với tiềm năng to lớn về vốn và công nghệ, khi đầu tư vào lĩnh vực này sẽ tận dụng được nguồn nguyên liệu

thô với giá rẻ và thu được lợi nhuận cao thông qua việc bán các sản phẩm tinh chế.

Hơn nữa, dân số Việt Nam tương đối trẻ, đang ở trong độ tuổi lao động, mức lương trung bình ở Việt Nam lại thấp hơn nhiều so với các nước khác. Do đó, khi đầu tư vào Việt Nam, các nhà đầu tư EU sẽ giảm được chi phí sản xuất qua việc tận dụng lao động giá rẻ và cũng là một cách để EU mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Về phía Việt Nam

Thiết lập và phát triển quan hệ hợp tác đầu tư với EU, là biện pháp hiệu quả giúp Việt Nam đẩy nhanh tiến trình hội nhập quốc tế vì nó tạo ra cơ hội cho Việt Nam tiếp cận được với một trung tâm kinh tế giữ vị trí quan trọng trong Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Nguồn vốn đầu tư nước ngoài có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước của Việt Nam. Năm 2001, nguồn vốn FDI đã tăng 61,5% so với năm 2000. FDI của EU đem lại cho Việt Nam một nguồn vốn lớn cho phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao sức cạnh tranh quốc tế của hàng hóa Việt Nam. Điều đó sẽ tạo nhiều thuận lợi cho Việt Nam trong việc từng bước đáp ứng được những yêu cầu mà WTO đặt ra đối với những nước thành viên, quan hệ hợp tác đầu tư Việt Nam - EU vừa đáp ứng cho lợi ích của cả hai bên, vừa phù hợp với xu hướng vận động FDI trên thế giới.

Quan hệ hợp tác đầu tư với EU đem lại cho Việt Nam ngoài những lợi ích thiết thực còn là cách nhanh chóng và đúng đắn nhất để EU tìm hiểu thêm về thị trường Việt Nam, hiểu rõ hơn thực tiễn đất nước Việt Nam với những thành tựu của công cuộc đổi mới đem lại. Ví dụ, trong tháng 5/2000, EU chính thức công nhận Việt Nam là nước có nền kinh tế thị trường. Điều đó có ý nghĩa rất lớn đối với Việt Nam trong quan hệ kinh tế quốc tế cũng như trong việc đàm phán gia nhập WTO. Giúp Việt Nam tránh được tình trạng phụ thuộc quá nhiều vào nền kinh tế khu vực, đồng thời cân bằng được quan hệ của Việt Nam với ba cường quốc Mỹ, Nhật, EU, phù hợp với phương châm đa phương hoá quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

Phát triển quan hệ đầu tư với EU giúp Việt Nam có cơ hội tiếp cận với những công nghệ hiện đại. Tạo điều kiện cho Việt Nam "đi tắt đón đầu", tiếp cận trực tiếp với trung tâm công nghệ nguồn, nhờ đó giảm bớt chi phí đầu vào và nâng cao chất lượng các công nghệ được chuyển giao. Từ đó giúp cho việc giải quyết tốt mối quan hệ kinh tế chính trị với các quốc gia, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức như Liên hiệp quốc, ngân hàng thế giới (WB), quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)... để có được các khoản viện trợ phát triển chính thức (ODA), đầu tư vào các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất, vì EU có một vai trò chủ chốt trong các tổ chức quốc tế đó.

Tăng cường quan hệ đầu tư với EU, gián tiếp giúp chính phủ Việt Nam nỗ

lực hơn trong cải cách đổi mới để xóa bỏ những trở ngại lớn nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nhà nước. Tích cực đổi mới toàn diện, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh mở cửa, phát huy nội lực đi kèm với sử dụng có hiệu quả nguồn lực quốc tế, xây dựng được cơ chế có hiệu quả điều chỉnh hoạt động đầu tư phù hợp với chiến lược kinh tế đối ngoại và yêu cầu của công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, tạo nên sự ổn định chính trị, xã hội cho mọi trường thu hút đầu tư. Đặc biệt là sự điều chỉnh cải tiến hệ thống luật pháp ngày càng tiến bộ hơn tạo ra môi trường thông thoáng để thu hút đầu tư nước ngoài (Việt Nam đã 4 lần sửa đổi luật đầu tư nước ngoài ban hành năm 1987).

Thực trạng đầu tư của EU trong những năm đầu thế kỷ XXI

Mặc dù có một vị trí quan trọng trong hoạt động đầu tư quốc tế, nhưng ở từng thời điểm khác nhau, từng khu vực khác nhau, mức độ đầu tư của EU khác nhau. Cụ thể như trong thập niên 80, các nhà đầu tư EU chủ yếu chú trọng tới thị trường của chính nó và khu vực Mỹ Latinh. Đầu thập niên 90, EU chú trọng tới thị trường Trung-Đông Âu, và các nước SNG, còn khu vực châu Á chỉ chiếm tỷ lệ 3%.

Ở Việt Nam, sau khi hai bên ký Hiệp định khung về hợp tác (1995), đầu tư của EU vào Việt Nam tăng lên, ngày càng chiếm tỷ trọng cao tổng FDI vào Việt Nam và tương đối ổn định, đặc biệt là quy mô đầu tư tăng mạnh trong

những năm gần đây: từ 2,7 triệu USD vào thời kỳ 1988 - 1990 lên 11,7 triệu USD năm 1996, 15,5 triệu USD năm 1997, 19,1 triệu năm 1998 và 20,282 triệu USD năm 2001 chiếm 42,5% tổng số FDI vào Việt Nam, vượt cả Nhật Bản và các nước Châu Á khác⁽⁴⁾. Một số nhà đầu tư của EU trở thành một trong những đối tác đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam tiêu biểu Pháp với 108 dự án với số vốn đầu tư là 1,829 tỷ USD; Hà Lan có 36 dự án với số vốn 578 triệu USD; Anh có 29 dự án với 1,047 triệu USD và tiếp theo là các Đức, Thụy Điển, Đan Mạch, Bỉ, Na Uy. Italia, Luxembourg... Năm 2001, FDI của các nước EU vào Việt Nam đã có nhiều khởi sắc với 63 dự án có mặt trên khắp các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của kinh tế Việt Nam trong những năm qua: 288 dự án đang hoạt động ở Việt Nam số vốn đăng ký đạt 5,8 tỷ USD, chiếm hơn 11,3%⁽³⁾.

Các dự án của EU được thực hiện tương đối tốt, tỷ lệ vốn thực hiện trên tổng số vốn đăng ký đạt 46,16%; chiếm 21,8% trong tổng số vốn được thực hiện tại Việt Nam. Với sức mạnh về tài chính cũng như về công nghệ của mình, các nước EU thường đầu tư vào Việt Nam với những dự án lớn. Hiện nay các nước thành viên EU còn 372 dự án có hiệu lực tại Việt Nam với tổng số vốn đăng ký 6 tỷ, đã thực hiện được 4,2 tỷ, tổng doanh thu của các doanh nghiệp này đạt 1,13 tỷ USD, tạo việc làm cho trên 39.350 lao động trực tiếp. Các nước đi đầu trong đầu tư vào Việt Nam là Anh,

Pháp, Hà Lan. Doanh nghiệp Pháp có 134 dự án trị giá hơn 2,1 tỉ USD. Đứng thứ hai là các doanh nghiệp Hà Lan với 51 dự án trị giá hơn 2 tỉ USD⁽³⁾. Đầu tư của các nước EU đã có mặt ở 33 địa phương, nhiều công ty lớn của Châu Âu trong nhiều lĩnh vực chủ chốt đã có mặt tại Việt Nam.

Vốn đầu tư của EU đã có mặt nhiều ngành kinh tế trải khắp 34/59 địa phương của Việt Nam với các hình thức đầu tư thích hợp, có mặt trong hầu hết các ngành kinh tế của Việt Nam, trong đó được tập trung nhiều ở các tỉnh phía Nam như Thành phố Hồ Chí Minh (105 dự án và số vốn đầu tư là 1,9 tỉ USD), Quảng Nam, Đà Nẵng, Đồng Nai. Sau đó đến Bà Rịa-Vũng Tàu (6 dự án còn hiệu lực và số vốn đầu tư là 843 triệu USD); Hà Nội (59 dự án còn hiệu lực với tổng số vốn đăng kí là 793 triệu USD)⁽²⁾.

Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm 201 dự án với tổng số vốn đăng kí khoảng 3,37 tỉ USD. Lĩnh vực dịch vụ chiếm 129 dự án với tổng số vốn đăng kí trên 1,87 tỉ USD. Phần còn lại đầu tư vào, nông-lâm-thủy sản⁽²⁾.

Đầu tư của EU tuy có mặt trong tất cả các ngành kinh tế nhưng chủ yếu tập trung vào 3 lĩnh vực: công nghiệp nặng, dầu khí và giao thông vận tải-bưu điện, chiếm 4 tỉ USD vốn đăng kí và khoảng 3 tỉ USD vốn thực hiện⁽¹⁾.

Vốn đầu tư của EU đang chiếm vị trí quan trọng so với các nhà đầu tư khác (gần 50% tổng FDI vào lĩnh vực dầu khí). Các công ty EU đã đầu tư 1 tỉ USD cho hoạt động tìm kiếm và thăm dò dầu khí tại Việt Nam và tích cực

chuyển giao nhiều công nghệ hiện đại vào Việt Nam, như công nghệ ép nước và vỉa cải tiến, công nghệ khoan ngang... nhờ đó, ngành dầu khí Việt Nam sẽ có điều kiện tiếp thu công nghệ tiên tiến và cách quản lý kinh tế hiện đại, tiếp cận và hội nhập hoạt động quốc tế.

Trong lĩnh vực bưu chính viễn thông: các nhà đầu tư EU góp phần quan trọng làm thay đổi lớn ở Việt Nam, đưa vào Việt Nam những công nghệ viễn thông tiên tiến nhất. Đến nay có hơn 5900 kênh với kỹ thuật truyền dẫn cáp quang biển và vệ tinh đảm bảo cho yêu cầu phát triển của ngành, góp phần đưa Việt Nam từ một nước lạc hậu nhất trên lĩnh vực này trở thành một nước có mạng lưới viễn thông tiên tiến trong khu vực chỉ trong vòng 10 năm.

Ngoài ra, các ngành khác cũng thu hút được nhiều công nghệ hiện đại được chuyển giao từ EU như trong ngành vật liệu xây dựng, sản xuất tiêu dùng, lâm nghiệp, nông nghiệp và chế biến thực phẩm là những ngành công nghiệp quan trọng trong tương lai.

Về hình thức đầu tư, các nhà đầu tư EU lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp với tiềm lực của họ nhưng chủ yếu tập trung vào hai hình thức: liên doanh là hình thức phù hợp với thị trường Việt Nam, giúp cho các nhà đầu tư có thể giảm thiểu rủi ro nên chiếm tỉ lệ cao hơn (51,1% số dự án) và hình thức 100% vốn nước ngoài chiếm 40% số dự án⁽¹⁾.

Nguồn FDI của EU vào Việt Nam đã có mặt trên khắp các lĩnh vực của nền kinh tế và đóng góp tích cực trở thành

một nguồn lực đóng vai trò không nhỏ đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

Tóm lại, EU đã trở thành một trong những đối tác kinh tế quan trọng nhất đối với Việt Nam về ngoại thương và đầu tư, đồng thời EU cũng là một bên tài trợ. Đầu tư từ EU về cơ bản đã đáp ứng được những mục tiêu phát triển kinh tế của Việt Nam, góp phần bổ sung nguồn vốn và công nghệ cho đầu tư phát triển, tạo thêm năng lực sản xuất mới, sản phẩm mới cho nền kinh tế, tạo thêm việc làm và bước đầu tư có đóng góp vào nguồn thu của ngân sách tạo dựng cơ sở ban đầu quan trọng và đóng góp một phần đáng kể vào những thành công của công cuộc đổi mới.

Khác với các nhà đầu tư nước ngoài khác chỉ đầu tư vào những dự án quy mô nhỏ, vốn ít lại có thời gian thu hồi vốn nhanh, thì các nhà đầu tư EU đã mạnh dạn đầu tư vào những dự án đòi hỏi vốn lớn, tương đối ổn định lâu dài đáp ứng nhu cầu về vốn của Việt Nam trong những dự án có quy mô lớn, giúp Việt Nam có được một nguồn vốn đầu tư lớn dài hạn, vốn đầu tư lại được phân bổ tương đối hợp lý, không chỉ phù hợp với các nhà đầu tư mà còn phù hợp với tình hình Việt Nam, FDI của EU đã, đang và sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam.

Tuy nhiên quy mô đầu tư của EU vào Việt Nam so với tiềm năng và vốn đầu tư ra nước ngoài của EU hàng năm 500 tỷ USD đầu tư trực tiếp, thì số vốn đầu tư vào Việt Nam còn quá nhỏ bé. Trong số các nhà đầu tư nước ngoài đứng đầu

vào Việt Nam thì các quốc gia EU vẫn ở vị trí chưa xứng đáng với tiềm lực. Mặt khác, tỷ lệ vốn đầu tư vào ngành nông lâm-thủy sản còn quá nhỏ trong tổng FDI của EU, trong khi các nước EU đặc biệt là Pháp và Hà Lan là những nước có nền nông nghiệp thuộc loại phát triển hàng đầu thế giới, với những ứng dụng không ngừng các thành tựu công nghệ sinh học tiên tiến nhất thế giới.

Những hạn chế trong quan hệ đầu tư giữa hai bên ngoài một số nguyên nhân khách quan như nạn khủng bố, dịch bệnh, sự sụt giảm về tăng trưởng kinh tế, sự bận rộn với quá trình mở rộng thống nhất nội bộ... của EU, còn có nguyên nhân về phía Việt Nam, tuy môi trường đầu tư tại Việt Nam đã được cải thiện nhưng các nước láng giềng trong khu vực lại gia tăng đáng kể, sức cạnh tranh trong thu hút đầu tư (Trung Quốc vào WTO, Xingapo ký FTA với Mỹ, Thái Lan và Malaixia có thị trường đầu tư hấp dẫn quy cũ hơn).

Triển vọng đầu tư của EU vào Việt Nam trong tương lai

Việt Nam trong công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước, với những chủ trương và chính sách thu hút FDI của Đảng và Nhà nước, với việc cải thiện môi trường đầu tư cởi mở thông thoáng đã tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn cởi mở, đã tạo ra cơ hội mới thu hút với các nhà đầu tư nước ngoài nói chung và các nhà đầu tư EU nói riêng.

Trong chiến lược phát triển của mình, Việt Nam tiếp tục khẳng định EU là đối

tác chiến lược quan trọng trong thế kỷ XXI. Việt Nam có nhiều cơ hội để nâng cấp kim ngạch thương mại với các nước trong khối, cả với các nước thành viên cũ và mới trong bối cảnh tăng cường hợp tác Á - Âu (ASEM), Việt Nam có thể tận dụng được những cơ hội trong việc triển khai chiến lược châu Á mới của EU (7-2003).

Sự đổi mới thường xuyên chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của nhà nước Việt Nam làm cho môi trường đầu tư ngày càng được cải thiện hơn. Các hình thức và phương thức tổ chức thu hút FDI của Việt Nam được đánh giá là đa dạng, thông thoáng. Bên nước ngoài tham gia liên doanh không bị giới hạn theo tỷ lệ góp vốn 49-51% như các nước khác. Các điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam, với các ưu đãi về thuế lợi tức, thuế xuất-nhập khẩu, thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài nhìn chung là hấp dẫn hơn so các nước trong khu vực. Công tác quản lý điều hành, thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài càng được đơn giản hóa góp phần giảm bớt những tiêu cực phiền hà trong cấp phép đầu tư, xuất nhập khẩu hải quan, được dư luận quốc tế và các nhà đầu tư đánh giá cao.

Có thể nói đây là cơ hội để các nhà đầu tư EU tham gia tích cực đầu tư vào Việt Nam, thúc đẩy quan hệ hợp tác đa phương Việt Nam - EU trên lĩnh vực đầu tư đạt kết quả khả quan.

Trong giai đoạn 2001-2005, thực hiện chiến lược mới giữa Việt Nam và EU, EU quan tâm nhiều đến việc hỗ trợ thể chế, trong đó có việc hỗ trợ hoàn thiện

luật pháp, chính sách, thông tin về đầu tư nước ngoài, hỗ trợ việc vận động xúc tiến đầu tư của EU vào Việt Nam, hướng vào các chương trình dự án trọng điểm cụ thể.

Bên cạnh việc tiếp tục mở rộng hợp tác như những năm qua, trong thời gian tới chú trọng đầu tư vào lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu, phát triển cơ khí chế tạo, chế biến nông sản thực phẩm để mở rộng hơn đầu tư nước ngoài của EU vào Việt Nam. Cần có chính sách ưu đãi đối với các lĩnh vực đầu tư mũi nhọn sử dụng công nghệ tiên tiến của EU.

Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam mạnh dạn đầu tư vào một số ngành công nghiệp mà Việt nam cần tới sản phẩm như ấn loát, sản xuất đồ nhựa, mẫu mốt thời trang, xưởng chế biến gỗ, xưởng may... tại các nước như Cộng hòa Liên bang Đức và một số nước Đông Âu. Đồng thời nhà nước cần quan tâm tạo điều kiện để các nhà đầu tư trong nước có nhiều cơ hội đầu tư, địa bàn có nhiều lợi thế, phí tổn đầu tư thấp để họ có thể từng bước vươn lên giữ vai trò quyết định trong quá trình hiện đại hóa đất nước.

Để thu hút, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài từ EU, cần xác định rõ chủ trương, phương hướng và hệ thống các giải pháp hữu hiệu, có sức hấp dẫn và tính cạnh tranh cao với các nước trong khu vực.

Hiệu quả của việc tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài không chỉ ở chỗ thu hút được nhiều vốn mà còn quan trọng hơn là quản lý và sử dụng vốn đó. Để làm được điều đó đòi hỏi phải xây dựng một

đội ngũ các viên chức nhà nước biết đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, và có đủ năng lực để bảo vệ lợi ích đó theo dõi, quản lý suốt quá trình thực hiện việc đầu tư nước ngoài và phải nhận thức được FDI là nguồn vốn là công cụ quan trọng trong việc tạo ra “cú hích” ban đầu cho sự cất cánh.

EU mở rộng cải tổ cơ cấu, mở rộng thịnh vượng của mình, đem lại cho thị trường khối này một sức mạnh mới, sự hấp dẫn mới, hỗ trợ an ninh có lợi cho quan hệ giữa EU-Việt Nam nói chung trên lĩnh vực đầu tư nói riêng.

Trong một thế giới đang thay đổi, EU với định hướng “mạnh hơn, mở rộng hơn”; ASEAN với viễn cảnh “thành cộng đồng các quốc gia phát triển bền vững, đồng đều và hợp tác”; Việt Nam với mục tiêu “dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh” cùng vươn tới kỷ nguyên của những cơ hội mới về sự phát triển trong hòa bình, ổn định và hợp tác.

Quan hệ Việt Nam-EU đang diễn ra những thay đổi có ý nghĩa sâu rộng, thể hiện bước tiến mạnh mẽ theo hướng củng cố tình hữu nghị hòa bình và hợp tác phát triển. Chính phủ và nhân dân

Việt Nam đã và đang làm hết sức mình cho quan hệ hữu nghị, hợp tác đa dạng Việt Nam-EU ngày càng đơm hoa kết trái.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch & Đầu tư (1998), *Danh mục các dự án đầu tư nước ngoài vào Việt Nam*, Hà Nội.
2. Bộ Kế hoạch & Đầu tư (2001), *Báo cáo tình hình hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài 5 năm 1996-2000 và giải pháp cho giai đoạn 2001-2005*, Trình Chính phủ tại phiên họp ngày 28-8, Hà Nội.
3. Bộ Kế hoạch & Đầu tư (2004), *FDI của EU tại Việt Nam*, Hà Nội.
4. Báo Đầu Tư (2002) các ngày 22-4, 8-7, 5-8.
5. Báo Đầu Tư (2003) các ngày 12-9, 6-10, 15-10, 24-11.
6. Báo Đầu Tư (2004) các ngày 5-6, 11-10
7. <http://www.cpv.org.vn>
8. <http://europa.eu.int>